

Số: 12/2023/QĐST-HNGĐ

ĐV, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị M** - Sinh năm 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HS, xã ST, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay (nơi đăng ký tạm trú): Tổ 6, thị trấn ĐV, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang và bị đơn: Anh **Đình Tiến Đ** - Sinh năm 1985. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HS, xã ST, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay (nơi đăng ký tạm trú): Tổ 6, thị trấn ĐV, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trịnh Thị M** và anh **Đình Tiến Đ**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị M** và anh **Đình Tiến Đ** nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu **Đình Thanh B** (sinh ngày 08/7/2016) cho chị **Trịnh Thị M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh **Đình Tiến Đ** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng,

kể từ 01/01/2024 cho đến khi cháu Đình Thanh B đủ 18 tuổi. Số tiền cấp dưỡng được trả vào ngày đầu tiên mỗi tháng, do chị Trịnh Thị M (có địa chỉ như trên) là người đại diện nhận. Anh Đình Tiến Đ có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này

Kể từ ngày đến thời hạn trả tiền cấp dưỡng và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- *Về tài sản, công nợ chung:* Các đương sự tự khai là tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Các đương sự thỏa thuận chị Trịnh Thị M chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn; chị Trịnh Thị M tự nguyện chịu thay anh Đình Tiến Đ 150.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ, tổng cộng là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003652, ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐV, tỉnh Hà Giang. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện ĐV;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện ĐV;
- Hồ sơ vụ án, vp.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Đàm